

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 8 - 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Đoàn;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST-HN ngày 03/3/2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1999

Cư trú: ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang, Việt Nam. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Yoo Yong S, sinh năm 1979

Cư trú: 607 - 1, Jn – ri, B, S, Chung, Hàn Quốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày: Bà và ông Yoo Yong S quen biết là do được mai mối từ người quen, cả hai cùng tìm hiểu và kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại S, Chung, Hàn Quốc và đã được ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang số 45 ngày 31/5/2018. Sau khi kết hôn ông Yoo Yong S quay về Hàn Quốc và làm thủ tục bảo lãnh tôi sang hàn Quốc sống cùng ông. Chung sống với nhau được khoảng 02 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, văn hóa, tính tình không hợp nhau nên bà đã về Việt Nam, từ đó đến nay

không còn liên lạc với ông Yoo Yong S. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin ly hôn với ông Yoo Yong S

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Yoo Yong S đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án theo đúng thủ tục ủy thác tư pháp. Bộ Tư pháp có văn bản trả lời đã nhận toàn bộ hồ sơ ủy thác cho bị đơn ông Yoo Yong S và tiến hành tổng đạt cho đương sự theo thời hạn luật định nhưng đến nay ông Yoo Yong S vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Yoo Yong S hiện tại đang cư trú tại số 607 - 1, J, B, S, Chung, Hàn Quốc; nguyên đơn bà Lê Thị Kim N cư trú: ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang, Việt Nam. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Yoo Yong S đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhưng đến nay ông Yoo Yong S vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim N và ông Yoo Yong S do mai mối và cưới nhau năm 2018, đã đăng ký kết hôn tại S, Chung, Hàn Quốc và đã được ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang số 45 ngày 31/5/2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của nguyên đơn thừa nhận về tình cảm của vợ chồng không được vun đắp do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, tính tình không hợp nhau và cả hai không có giải pháp hàn gắn mối quan hệ nên bà N đã về Việt Nam sinh sống, ông Yoo Yong S không sang Việt Nam thăm nom bà N và cả hai cũng không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên phai nhạt do hoàn cảnh địa lý cách xa, không có điều kiện chung sống. Mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyên đơn có yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử

xét chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà N đối với ông Yoo Yong S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà Lê Thị Kim N xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông Yoo Yong S trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông Yoo Yong S phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim N;

1. Bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Yoo Yong S.

Giấy đăng ký kết hôn tại tại San – si, Chungcheongnam – do, Hàn Quốc và đã được ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang số 45 ngày 31/5/2018 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Lê Thị Kim N xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông Yoo Yong S trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông Yoo Yong S phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000005 ngày 02/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. (Đã nộp đủ)

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị Kim N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền

số: 0004327 ngày 02/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. (Đã nộp xong)

6. Về quyền kháng cáo:

- Bà Lê Thị Kim N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Yoo Yong S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA DS tỉnh An Giang;
- UBND TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – THA;
- Tòa GD&NCTN;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phụng

